T.A.N.D HUYỆN Y TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 51 /2017/HNGĐ- ST
Ngày: 17/11/2017.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Bà Nguyễn Thị Tin

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án, TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 197 /2017/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2017 về " *Tranh chấp HN&GĐ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXX ST- HNGĐ ngày 02/ 11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1988 (có mặt)

Cư trú tại: thôn V, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình

***Bị đơn*:** Anh Dương Văn B, sinh năm 1987 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cư trú tại: thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/8/2017 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh B kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 7 năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do mẹ chồng chị bị ốm, anh B không bàn bạc, không tôn trọng chị, tự ý lấy tiền của vợ chồng và vay mượn nhiều nơi đi cúng bái, chữa bệnh cho mẹ. Sau khi chị biết, chị khuyên bảo, anh B không sửa chữa. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hai gia đình họp bàn tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất tháng 9/2016, nguyên nhân là do anh B không tôn trọng chị vấn đề kinh tế gia đình, chị không hề biết. Anh B còn nói dối chị kinh tế. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Thời gian chị về nhà mẹ đẻ ở,

anh B gọi chị về, vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị không về. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 3/2017 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung Dương Hồng P, sinh 01/12/2014, hiện đang ở với chị.

Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung. Chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, thời gian từ 01/12/2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị L xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Văn B là bị đơn trình bày: Về thủ tục kết hôn anh đồng ý với lời trình bày của chị L. Nhưng anh trình bày thêm ngày 15/6/2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chuyển tiền cho anh K là anh em kết nghĩa, khi về anh đưa cho chị L xem phiếu chuyển tiền. Chị L bực tức nói với anh là anh không tôn trọng chị L. Hôm sau chị L đưa con về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Thời gian chị L về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần anh gọi về vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L không về. Hai gia đình đã dàn xếp nhưng không có kết quả. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ ngày 15/6/2017 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung Dương Hồng P, sinh 01/12/2014, hiện đang ở với chị L.

Nay ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi con chung, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, thời gian từ 01/12/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS. Tuy nhiên ngày 24/10/2017 anh B có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 227, 228. 271, 273 BLTTDS, Căn cứ các Điều 51,56, 58, từ 81 đến Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Quan hệ vợ chồng: chị Bùi Thị L được ly hôn anh Dương Văn B
- Con chung: Giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.
- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 miễn án phí DSST cho chị L và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Bắc.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Anh Dương Văn B là bị đơn Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần giao giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh B đều cố tình trốn tránh, không chấp hành theo giấy triệu tập,Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh B nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị L, anh B thuộc diện hộ nghèo, tuy nhiên chị L và anh B không nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Nếu Tòa án chỉ định chị L và anh B sẽ từ chối. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Chị L và anh B kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 7 năm 2015, xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, anh B không tôn trọng chị L. Vợ chồng mâu thuẫn như vậy, gia đình họp bàn tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất tháng 9/2016, nguyên nhân là do vấn đề kinh tế gia đình anh B không tôn trọng chị L, thậm trí nói dối chị L. Vợ chồng mâu thuẫn, chị L về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 3/2017 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất về kinh tế. Chị L về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2016 đến nay. Thời gian chị L về nhà mẹ đẻ ở, anh B nhiều lần gọi về vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L không về. Địa phương xác định chị L, anh B không còn khả năng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị L, anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn. Anh B vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, Tòa án làm việc anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh đồng ý là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Vợ chồng có 01 con chung Dương Hồng P, sinh 01/12/2014, hiện đang ở với chị L. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, thời gian từ 01/12/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh B đồng ý. Kết quả xác minh tại địa phương hiện con chung còn nhỏ, chị L có khả năng nuôi con chung hơn, ngoài ra con chung chưa đủ 36 tháng tuổi. Áp dụng khoản 2,3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, thời gian từ 01/12/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị L xác định không có, nay không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí**: chị L và anh B thuộc hộ nghèo áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, miễn án phí DSST cho chị L và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh B.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, 58, Khoản 2, 3 Điều 81 các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH xử:

Tình cảm: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Dương Văn B.

Con chung: Giao con chung Dương Hồng P, sinh 01/12/2014 cho chị L nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, thời gian từ 01/12/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh B có quyền thăm nom con chung.

Án phí: Miễn án phí DSST cho chị L, chị L không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả chị L 300.000đ tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số 0002502 ngày 06/10/2017 của Chi cụ thi hành án dân sự huyện Y.

Miễn án cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Văn B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 BLDS, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho nguyên đơn có mặt biết kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tống đạt án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã N.

Bùi Thị Hương